

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Thành tại văn bản số 39/CMTT-CVGPMT ngày 30/10/2023 và văn bản số 65/CVBS-GPMT ngày 29/12/2023.

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 12/TNMT-MT ngày 08/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Thành địa chỉ Quốc lộ 51, Tổ 12, Khu phố Tân Phú, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Siêu thị Co.opmart Tân Thành”, địa chỉ tại Quốc lộ 51, Tổ 12, Khu phố Tân Phú, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án: Siêu thị Co.opmart Tân Thành.

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 51, Tổ 12, Khu phố Tân Phú, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã: Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh Hợp tác xã số 0301175691-038, đăng ký lần đầu ngày 17/10/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

1.4. Mã số thuế chi nhánh: 0301175691-038.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị và dịch vụ đi kèm

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích đất: 18.922 m² (Cơ sở thuê lại đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để hoạt động thương mại, dịch vụ tại Hợp đồng thuê đất số 51/HĐTD ngày 20/12/2016)
- Diện tích đất của dự án hiện hữu: 10.123 m² (giai đoạn 1), giai đoạn 2: chưa có kế hoạch triển khai.
- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 10/1/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quy mô của cơ sở: Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: khoảng 1.500 lượt khách/ngày và các dịch vụ đi kèm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Thành.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu

cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thị xã Phú Mỹ, Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND phường Phú Mỹ nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thị xã Phú Mỹ.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 09 tháng 01 năm 2024 đến ngày 09 tháng 01 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND phường Phú Mỹ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Siêu thị Co.opmart Tân Thành” của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Thành theo quy định của pháp luật. /*mlc*

Nơi nhận:

- Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Thành;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT.UBND thị xã;
- Phòng TN và MT;
- UBND phường Phú Mỹ;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND thị xã;
- Lưu VT.

mlc

**CHỦ TỊCH
PHỐ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU
CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 118 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND thị xã Phú Mỹ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ quây dịch vụ thực phẩm tươi sống và từ nhà bếp được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC vào bể tách mỡ sau đó dẫn vào HTXL nước thải tập trung 50 m³/ngày đêm của dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của Siêu thị và Trung tâm tiêm chủng VNVC được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được thu gom theo đường ống riêng dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 50 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước chung trên đường Quốc Lộ 51, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ.

2.2. Vị trí xả nước thải

+ Vị trí xả thải: Siêu thị Co.opMart Tân Thành, Quốc lộ 51, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Tọa độ xả thải: dựa theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', vĩ độ 3°. X (m) = 1172717,37; Y (m) = 724804,62

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý → Bể chứa 06 m³ → 01 đường ống dẫn nước đặt ngầm → Công thoát nước chung trên đường Quốc Lộ 51, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột A, K=1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra)	m ³ /ngày đêm	50	Không	Không
2.	pH	-	5-9	Không	Không
3.	BOD ₅	mg/l	30	Không	Không
4.	TSS	mg/l	50	Không	Không
5.	Tổng chất hòa tan	mg/l	500	Không	Không
6.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0	Không	Không
7.	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	Không	Không
8.	Nitrat (NO ₃)(tính theo N)	mg/l	30	Không	Không
9.	Phosphat (PO ₄ ³⁻)(tính theo P)	mg/l	6	Không	Không
10.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	Không	Không
11.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	Không	Không
12.	Coliform	MPN/100ml	3.000	Không	Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa sạch được tách biệt với nhau.
- Nước thải từ quầy dịch vụ thực phẩm tươi sống và từ nhà bếp được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC tổng chiều dài 43m, Ø250 vào bể tách mỡ sau đó dẫn vào vào HTXL nước thải tập trung 50 m³/ngày đêm của dự án.
- Nước thải từ quá trình sinh hoạt của siêu thị và hệ thống tiêm chủng VNVC phát sinh từ các lavabo, phễu thu sàn, từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, bể làm từ bê tông kết cấu thép có chống thấm, nước thải sau bể tự hoại tiếp tục được dẫn vào HTXL nước thải tập trung 50 m³/ngày đêm bằng đường ống nhựa uPVC - chiều dài ống 95,7m, Ø200.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Quy trình công nghệ: Nước thải từ quầy dịch vụ thực phẩm tươi sống, khu vực nhà bếp được đưa vào bể tách mỡ → Bể thu gom; Nước thải từ quá trình sinh hoạt của siêu thị và hệ thống tiêm chủng VNVC qua bể tự hoại 03 ngăn → Bể thu gom. Nước thải từ bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể sinh học MBR → Bể chứa 6 m³ → Hệ thống công thoát nước chung trên đường Quốc lộ 51, Thị xã Phú Mỹ.

- Chế độ vận hành: Liên tục
- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH; NaHCO₃.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị máy móc, thiết bị dự phòng.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào nhật ký vận hành hàng ngày.
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý, định kỳ 06 tháng/lần.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Thực hiện đấu nối nước thải của Siêu thị Co.op Mart Tân Thành vào hệ thống thu gom xử lý nước thải của khu vực khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3.6. Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và ký hiệu rõ các bể, công đoạn thuộc quy trình xử lý nước thải để dễ nhận biết khi kiểm tra, giám sát.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 118 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND thị xã Phú Mỹ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng: 01 Máy phát điện dự phòng công suất 400 kVA.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng: 01 Máy phát điện dự phòng công suất 60 kVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ dựa theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, vĩ chiều 3° . X (m) = 1172732,54; Y (m) = 724715,24.

- Nguồn số 2: Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, vĩ chiều 3° . X (m) = 1172914,87; Y (m) = 724755,153.

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Ghi chú
1	70 dBA	55 dBA	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Khu vực thông thường
1	70 dB	60 dB	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.

- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.



Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 118 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND thị xã Phú Mỹ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các TPNH	08 02 04	05
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	90
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	20
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	16 01 13	20
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	40
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	05
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	20
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	05
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	18 02 01	05
	Tổng cộng		210

1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/ tháng)	Ghi chú
1	Bùn thải từ HTXL nước thải	50	Khối lượng tính toán khi hoạt động tối đa theo quy mô cơ sở
2	Mỡ thải từ HTXL nước thải	03	
3	Chất thải có khả năng tái sử dụng (bao bì, thùng carton...)	2.000	
	Tổng cộng	2.053	

1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/ tháng)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1.200	Khối lượng tính toán khi hoạt động tối đa theo quy mô cơ sở

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa có nắp đậy

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực kho chứa trong nhà: gồm 02 kho: 01 kho 07m² thuộc Siêu thị Co.opmart và 01 kho 03m² thuộc Trung tâm tiêm chủng VNVC. Các loại chất thải được đựng trong thùng nhựa PVC dung tích 120 L và 240 L.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa trong nhà: có mái che, nền xi măng, xây tường gạch và có biển cảnh báo khu vực lưu trữ CTNH được dán mã CTNH đối với từng loại chất CTNH.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Lưu giữ tại kho chứa trên nền gạch.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: kho chứa trong nhà

+ Khu vực lưu chứa chất thải có thể tái chế, tái sử dụng: lưu giữ tại kho chứa diện tích 16 m² nền gạch và tường bê tông, có mái che và chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

+ Đối với Mỡ thải, bùn thải: Mỡ thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải định kỳ nạo vét và Hợp đồng, chuyển giao với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy bằng nhựa PVC, dung tích 120 L và 240 L và kho chứa.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: kho chứa trong nhà

+ Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: lưu giữ tại các thùng chứa, kho chứa diện tích 20m², kết cấu kho là nền và tường bê tông, có mái che. Được tập kết tại khu vực gần hệ thống xử lý nước thải.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: thực hiện theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 118/GPMT-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND thị xã Phú Mỹ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án đã xây dựng hoàn thiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với các đơn vị thuê mặt bằng hoạt động nằm trong phạm vi của dự án; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường; có trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định./.



